TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NK – TPCT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DSST
Ngày: 07/3/2023
V/v: T/c HĐ mua bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương.**
- Ông **Nguyễn Tấn Triều.**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Kiều Trang** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận NK.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 595/2022/TLST-DSST ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST – DS ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Phan Thông H**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 28 MT, P. AN, Q. NK, Tp. CT.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Thế N A** – Theo giấy ủy quyền ngày 28/12/2022 - *(có mặt)*

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư **Nguyễn Thế S** – Văn phòng luật sư S lý thuộc Đoàn luật sư Thành phố CT.

**** Bị đơn*: Công ty CP NBT**

Địa chỉ trụ sở chính: 178 H, phường 2, quận P, Tp. H

Địa chỉ hiện nay: Số 122 CL, phường 2, quận P, Tp. H

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T L – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H - Theo vản bản ủy quyền ngày 06/3/2023 - *(có mặt)*

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH MTV NPT**

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phan K N – Chức vụ: Giám đốc - (*có yêu cầu giải quyết vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thông H là ông Nguyễn Thế N A trình bày:*** Do mối quan hệ thân thiết liên doanh làm ăn nên vào ngày 13/11/2020 ông Phan Thông H có ký bán trạm trộn bê tông hiệu EUROBATH4MAO3000T theo hợp đồng kinh tế số 019/2020/HĐKT – NB.PTH với Công ty CP NBTdo bà Nguyễn Thị T L làm tổng giám đốc. Giá trị hợp đồng là 1.700.000.000đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng Công ty CP NBTđã chuyển trả 500.000.000đồng, sau đó chuyển trả thêm 200.000.000đồng. Số tiền còn lại là 1.000.000.000đồng sẽ thanh toán vào ngày 31/3/3021.

Do Công ty CP NBTcó nhu cầu xuất hóa đơn, vì là cá nhân nên ông Phan Thông H không thể xuất hóa đơn nên ông đã nhờ Công ty TNHH MTV NPTxuất hóa đơn cho công ty Cổ phần National.Beton. Do vậy Công ty CP NBT và Công ty TNHH MTV NPT mới ký hợp đồng kinh tế số 020/2020/HĐKT – NB.PT với số tiền là 500.000.000đồng.

Thực chất trạm trộn bê tông là tài sản cá nhân của ông Phan Thông H nên ông Phan Thông Quân yêu cầu Công ty CP NBT trả cho ông số tiền còn lại là 1.000.000.000đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất theo quy định phát luật kể từ sau ngày 31/3/2021.

**** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty CP NBT là ông Nguyễn Đ T trình bày:*** Thừa nhận bị đơn Công ty CP NBTcó ký hợp đồng số 019/2020/HĐKT – NB.PTH ngày 13/11/2020 với ông Phan Thông H để mua trạm trộn bê tông với số tiền là 1.700.000.000đồng. Bị đã đã chuyển trả 02 lần bằng số tiền 700.000.000đồng. Vì bên bán chưa xuất hóa đơn nên Công ty CP NBT chưa thể thanh toán số tiền 1.000.000.000đồng và không phải chịu lãi suất phát sinh. Phía bị đơn đồng ý trả số tiền 1.000.000.000đồng còn lại với điều kiện ông Phan Thông H phải xuất hóa đơn cho Công ty CP NBT để công ty làm thủ tục hoàn thuế.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Nguyễn Phan Thông, có đại diện theo pháp luật là bà Phan K N trình bày:*** Bà là con gái của ông Phan Thông H và là giám đốc Công ty TNHH MTV NPT Do ông Phan Thông H nhờ xuất hóa đơn nên vào ngày 13/11/2020 bà đại diện Công ty TNHH MTV NPTký hợp đồng kinh tế số 020/2020/HĐKT – NB.PT với Công ty Cổ phần National Beton. Thực chất trạm trộn bê tông là của ông Phan Thông H. Bà chỉ đứng đại diện công ty Công TNHH MTV NPT ký hợp đồng để xuất hóa đơn cho Công ty CP NBT.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H đồng ý trả số tiền còn nợ là 1.000.000.000đồng nhưng không đồng ý trả lãi vì bị đơn không vi phạm hợp đồng, sỡ dĩ bị đơn chậm trả số tiền còn lại là vì nguyên đơn không xuất hóa

đơn cho số tiền 200.000.000đồng. Yêu cầu xem xét trạm trộn bê tông hiệu EUROBATH4MAO3000T là tài sản của ông Phan Thông H hay tài sản của Công ty TNHH MTV NPT

** Luật sư Nguyễn Thế S bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Mục đích Công ty TNHH MTV NPTvà Công ty CP NBTký hợp đồng kinh tế số 020/2020/HĐKT – NB.PT ngày 13/11/2021 là để Công ty TNHH MTV NPThỗ trợ ông Phan Thông H xuất hóa đơn cho Công ty Cổ phần National Beton. Thực chất trạm trộn bê tông hiệu EUROBATH4MAO3000T là tài sản của ông Phan Thông H. Hợp đồng kinh tế số 019/2020/HĐKT – NB.PTH ngày 13/11/2020 ký ông Phan Thông H và Công ty CP NBTlà hợp đồng thực của giao dịch mua bán này. Giá trị của hợp đồng số 019/2020/HĐKT – NB.PTH ngày 13/11/2020 là 1.700.000.000đồng, phía bị đơn đã thanh toán 02 lần được 700.000.000đồng. Thỏa thuận số tiền còn nợ lại 1.000.000.000đồng sẽ trả vào trước ngày 31/3/2021 nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán. Việc chậm trả tiền của bị đơn đã vi phạm thỏa thuận của hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thông H, buộc bị đơn Công ty CP NBTphải trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất theo quy định phát luật kể từ sau ngày 31/3/2021 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Phan Thông H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV NPTthống nhất Công ty CP NBTvà Công ty TNHH MTV NPTký hợp đồng kinh tế số 020/2020/HĐKT – NB.PT ngày 13/11/2020 mục đích để làm cơ sở giúp ông Phan Thông H xuất hóa đơn bán hàng. Ông Phan Thông H và bà Phan K N là đại diện pháp luật Công ty TNHH MTV NPTđều xác định trạm trộn bê tông là tài sản của ông Phan Thông H nên có căn cứ xác định hợp đồng kinh tế số 019/2020/HĐKT – NB.PTH ký giữa ông Phan Thông H và Công ty CP NBTlà đối tượng tranh chấp. Xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại Điều 4 của hợp đồng kinh tế số 019/2020/HĐKT – NB.PTH các bên có thỏa thuận nếu có tranh chấp các bên thống nhất chọn Tòa án nơi bên B (là bên bán ông Phan Thông H) giải quyết. Hơn nữa nơi thực hiện hợp đồng là tại quận NK nên Tòa án quận NK thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về căn cứ khởi kiện:

[2.1]Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thông H về việc yêu cầu bị đơn Công ty CP NBT trả số tiền là 1.000.000.000đồng.

Nhận thấy: Nguyên đơn ông Phan Thông H và bị đơn Công ty CP NBT đều thừa nhận các bên có ký với nhau hợp đồng số 019/2020/HĐKT – NB.PTH ngày 13/11/2020. Theo đó ông Phan Thông H bán cho bị đơn Công ty CP NBT 01 trạm

trộn bê tông hiệu EUROBATH4MAO3000T với số tiền là 1.700.000.000đồng. Đã trả được 02 lần bằng 700.000.000đồng. Số tiền còn nợ lại 1.000.000.000đồng. Bị đơn đồng ý trả số tiền này với yêu cầu ông Phan Thông H phải xuất hóa đơn cho Công ty Cổ phần National Beton. Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu xuất hóa đơn của bị đơn bởi lẻ hợp đồng các bên đã ký không có điều khoản nào buộc nguyên đơn phải xuất hóa đơn. Ngoài ra tại phiên tòa đại diện bị đơn yêu cầu xem xét trạm trộn bê tông hiệu EUROBATH4MAO3000T là tài sản của ông Phan Thông H hay tài sản của Công ty TNHH MTV NPT

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hợp đồng kinh tế số 019/2020/HĐKT – NB.PTH ngày 13 tháng 11 năm 2020 các bên không có thỏa thuận nào về việc bên bán có trách nhiệm xuất hóa đơn cho bên mua. Tại khoản 2 của hợp đồng các bên thỏa thuận số tiền 1.000.000.000đồng sẽ thanh toán vào tài khoản cá nhân của ông Phan Thông H. Hơn nữa khi ký hợp đồng số 020/2020/HĐKT – NB.PTH ngày 13 tháng 11 năm 2020 các bên chỉ ghi nhận số tiền 500.000.000đồng và xuất hóa đơn cho số tiền này. Lẽ ra nếu muốn xuất hóa đơn cho số tiền 1.700.000.000đồng bị đơn đã yêu cầu ghi đúng số tiền thực tế để xuất hóa đơn. Nên việc bị đơn cho rằng chỉ đồng ý trả số tiền còn lại với điều kiện nguyên đơn phải xuất hóa đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu xác định trạm trộn bê tông hiệu EUROBATH4MAO3000T là tài sản của ông Phan Thông H hay tài sản của Công ty TNHH MTV NPT Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Thông H và bà Phan K N là đại diện pháp luật Công ty TNHH MTV NPTđều xác định trạm trộn bê tông là tài sản của ông Phan Thông H. Việc Công ty CP NBTvà Công ty TNHH MTV NPTký hợp đồng kinh tế số 020/2020/HĐKT – NB.PT ngày 13/11/2020 mục đích để làm cơ sở giúp ông Phan Thông H xuất hóa đơn bán hàng. Số tiền 1.000.000.000đồng các bên cũng thống nhất sẽ thanh toán vào tài khoản cá nhân của ông Phan Thông H. Lời trình bày này phù hợp các chứng cứ, tình tiết có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định trạm trộn bê tông hiệu EUROBATH4MAO3000T là tài sản của ông Phan Thông H. Do vậy cần buộc bị đơn Công ty CP NBTcó trách nhiệm trả cho ông Phan Thông H số tiền là 1.000.000.000đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất theo quy định phát luật kể từ sau ngày 31/3/2021.

Tại Điều 2 của hợp đồng kinh tế số 019/2020/HĐKT – NB.PTH có ghi nhận Công ty CP NBTthanh toán cho ông Phan Thông H số tiền 1.000.000.000đồng trước ngày 31/3/2021. Tại điều 3 của hợp đồng có ghi nhận "Bên A có nghĩa vụ thanh toán đúng hạn cho bên B theo Điều 2 của hợp đồng". Đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền này nên phải có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp. Tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/3/2023) là 23 tháng 06 ngày.

Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 1.000.000.000đồng x 10%/năm x 23 tháng 06 ngày = 193.333.000đồng (làm tròn).

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 1.193.333.000đồng.

[3] Xét lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty CP NBT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Do nguyên đơn được miễn tiền tạm ứng án phí nên không điều chỉnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 430, Điều 433, Điều 440; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thông H.

1. Buộc bị đơn Công ty CP NBTphải trả cho nguyên đơn ông Phan Thông H số tiền là 1.000.000.000đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là: 193.333.000đồng. Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 1.193.333.000đồng *(Một tỉ một trăm chín mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng)*.

Trường hợp bị đơn Công ty CP NBTchậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn còn phải trả lãi cho số tiền phải thi hành án kể từ ngày 08/3/2023 cho đến khi trả xong số nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty CP NBTphải chịu 47.800.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng*) án phí vụ kiện.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nôi nhaän: TM . HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM

- TAND TP Caàn Thô “ñeå baùo caùo”. Thaåm phaùn - Chuû toïa phieân toøa
- VKSND TPCT, Q. NK “ñeå theo doõi”.
- Caùc ñöông söï “ñeå bieát”.
- THA DS Q. NK “ñeå thi haønh”.
- Löu hoà sô Daân söï.

Cao Thò Thanh Truùc

Thành viên Hội đồng xét xử **Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thanh Hương ***Nguyễn Tấn Triều*** ***Cao Thị Thanh Trúc***

$\underline{N}$